

Deloitte.

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

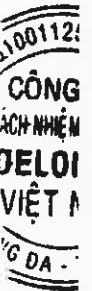
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016





MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Thành	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính

Thay mặt và Đại diện cho Ban Giám đốc,


Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Số: 480 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 198,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 415,9 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 lỗ khoảng 51,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lỗ khoảng 118,6 tỷ VND). Các dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, theo Công văn số 10084/BTC-CKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

- Công việc kiểm toán nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu do Công ty cung cấp và theo các thủ tục kiểm toán báo cáo tài chính thông thường, không nhằm đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành. Công việc này chỉ được thực hiện khi tiến hành các thủ tục kiểm toán đặc thù áp dụng riêng cho việc quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng hoàn thành.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196.987.472.917	461.610.936.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	119.698.140.125	33.677.214.641
1. Tiền	111		63.661.473.458	33.677.214.641
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.036.666.667	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	10.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.672.638.287	418.956.902.860
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	51.891.266.519	43.798.402.822
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	7.712.944.732	9.435.608.913
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.068.427.036	365.722.891.125
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.616.694.505	8.976.818.730
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.616.694.505	2.484.660.034
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.471.107.212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	21.051.484
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.775.477.532.510	4.947.571.787.557
I. Tài sản cố định	220		4.665.044.859.155	4.624.761.966.106
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	4.665.044.859.155	4.624.761.966.106
- Nguyên giá	222		5.662.002.254.042	5.356.434.713.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(996.957.394.887)	(731.672.747.545)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.133.756.288	322.809.821.451
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	104.133.756.288	322.809.821.451
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.298.917.067	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.186.184.877	-
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	13	4.112.732.190	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.972.465.005.427	5.409.182.723.788

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.736.309.189.712	3.121.158.452.102
I. Nợ ngắn hạn	310		395.732.312.942	877.495.289.621
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	152.297.708.234	467.670.669.599
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	7.443.340.553	3.286.594.234
3. Phải trả người lao động	314		2.890.958.130	4.015.844.331
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.867.307.269	15.026.157.186
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	11.391.558.943	1.469.302.516
6. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	18	201.751.058.395	385.826.340.337
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		90.381.418	200.381.418
II. Nợ dài hạn	330		2.340.576.876.770	2.243.663.162.481
1. Phải trả dài hạn khác	337		258.024.600	26.004.600
2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	19	2.340.318.852.170	2.243.637.157.881
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.236.155.815.715	2.288.024.271.686
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.236.155.815.715	2.288.024.271.686
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
4. (Lỗ) lũy kế	421		(91.214.769.906)	(39.346.313.935)
- (Lỗ) lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(39.346.313.935)	79.207.143.951
- (Lỗ) năm nay	421b		(51.868.455.971)	(118.553.457.886)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.972.465.005.427	5.409.182.723.788



Ngày 02 tháng 3 năm 2017


 Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng


 Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	519.245.699.230	455.932.721.683
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		519.245.699.230	455.932.721.683
3. Giá vốn hàng bán	11	22	308.261.698.907	302.341.608.349
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		210.984.000.323	153.591.113.334
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.149.768.134	822.572.094
6. Chi phí tài chính	22		246.488.594.382	258.351.734.260
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		246.488.594.382	258.351.734.260
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	18.315.293.162	16.228.478.243
8. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		(52.670.119.087)	(120.166.527.075)
9. Thu nhập khác	31	26	2.326.920.422	1.613.069.189
10. Chi phí khác	32		724.066.141	-
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.602.854.281	1.613.069.189
12. (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(51.067.264.806)	(118.553.457.886)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	801.191.165	-
14. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(51.868.455.971)	(118.553.457.886)
15. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(230)	(569)



Trịnh Bảo Ngọc
 Giám đốc

Võ Trung Chính
 Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
 Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(51.067.264.806)	(118.553.457.886)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	265.284.647.342	260.401.143.438
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.149.768.134)	(822.572.094)
- Chi phí lãi vay	06	246.488.594.382	258.351.734.260
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	459.556.208.784	399.376.847.718
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	361.546.153.986	28.097.949.796
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	105.387.233.803	23.062.630.067
- Tăng, giảm chi phí trả trước và tài sản dài hạn khác	12	(7.430.951.538)	(2.484.660.034)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(240.983.641.166)	(258.652.288.822)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(652.751.510)	(43.358.227)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(110.000.000)	(772.818.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	677.312.252.359	188.584.302.316
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(495.277.776.639)	(238.204.290.913)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.380.037.417	1.184.848.555
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(503.897.739.222)	(232.019.442.358)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	96.588.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	429.506.502.602	221.634.082.688
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(516.900.090.255)	(342.679.742.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(87.393.587.653)	(24.457.659.663)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	86.020.925.484	(67.892.799.705)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.677.214.641	101.570.014.346
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	119.698.140.125	33.677.214.641



Trịnh Bảo Ngọc
Giám đốc

Võ Trung Chính
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 116 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 115).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 198,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 415,9 tỷ VND), trong đó Công ty có các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả khoảng 201,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 385,8 tỷ VND), kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 lỗ khoảng 51,9 tỷ VND (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: khoảng 118,6 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng dòng tiền các năm sau sẽ khả quan hơn để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá rằng báo cáo tài chính này được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm những điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ khoản lỗ tính thuế trong năm của Công ty.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008 số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	772.016.780	664.886.675
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.889.456.678	33.012.327.966
Các khoản tương đương tiền (*)	56.036.666.667	-
	119.698.140.125	33.677.214.641

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP An Bình với lãi suất lần lượt là 4,4%/năm và 4,8%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 phản ánh 02 khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An. Các khoản tiền gửi này được áp dụng lãi suất cố định là 5,1%/năm và đáo hạn tương ứng vào các ngày 08 tháng 4 năm 2017 và ngày 09 tháng 5 năm 2017.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	51.863.361.834	43.770.498.137
Phải thu khách hàng khác	27.904.685	27.904.685
	51.891.266.519	43.798.402.822

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Xây dựng 319 Bộ Quốc phòng (*)	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	1.211.473.789	339.275.217
Công ty TNHH MTV Minh Quân Việt Nam	-	958.494.354
Các đối tượng khác	4.180.666.943	5.817.035.342
	7.712.944.732	9.435.608.913

(*) Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng khoản trả trước cho Công ty Xây dựng 319 Bộ Quốc phòng "Công ty 319" chắc chắn thu hồi được thông qua sản lượng công trình mà Công ty 319 đang thực hiện cho Công ty nên không phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu	132.097.333	362.366.616
Giá trị Đường dây 220 kV bàn giao cho Công ty Truyền tải Điện 1 (*)	2.929.046.206	364.087.026.232
Tạm ứng	773.453.331	1.249.245.139
Phải thu khác	233.830.166	24.253.138
	4.068.427.036	365.722.891.125

(*) Theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước ngày 03 tháng 11 năm 2015 về kiểm toán hạng mục đường dây 220 kV đấu nối vào hệ thống điện quốc gia thuộc Dự án Thủy điện Hủa Na và Quyết định số 77/QĐ-HĐQT-HHC ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Đầu tư Công trình Thủy điện Hủa Na, giá trị quyết toán công trình đường dây 220 kV hình thành qua đầu tư là 364.087.026.232 VND. Công ty đã thống nhất với Công ty Truyền tải Điện 1 để bàn giao giá trị này.

Theo Công văn số 2209/BTC-CST ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc chính sách thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên và hạch toán khi bàn giao Đường dây 220 kV, trường hợp Công ty bàn giao công trình đường dây 220 kV Hủa Na - Thanh Hóa cho Công ty Truyền tải Điện 1 là chuyển nhượng dự án thuộc diện không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm Nhà máy	3.616.694.505	2.484.660.034
b. Dài hạn		
Thiết bị, vật tư xuất dùng cho Nhà máy	2.186.184.877	-

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dung cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3.698.473.418.653	1.646.523.171.414	7.375.940.420	4.062.183.164	5.356.434.713.651
Mua trong năm	686.969.152	924.766.467	-	333.122.510	1.944.858.129
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	450.576.592.602	(146.953.910.340)	-	-	303.622.682.262
Số dư cuối năm	4.149.736.980.407	1.500.494.027.541	7.375.940.420	4.395.305.674	5.662.002.254.042
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	415.681.738.763	308.038.409.518	6.110.556.311	1.842.042.953	731.672.747.545
Khấu hao trong năm	160.876.151.886	103.046.558.054	597.609.407	764.327.995	265.284.647.342
Số dư cuối năm	576.557.890.649	411.084.967.572	6.708.165.718	2.606.370.948	996.957.394.887
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.282.791.679.890	1.338.484.761.896	1.265.384.109	2.220.140.211	4.624.761.966.106
Tại ngày cuối năm	3.573.179.089.758	1.089.409.059.969	667.774.702	1.788.934.726	4.665.044.859.155

(*) Theo Quyết định số 77/QĐ-HĐQT-HHC ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Đầu tư Công trình Thủy điện Hòa Na, giá trị quyết toán công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na hình thành qua đầu tư là 5.633.178.263.036 VND, trong đó, giá trị tài sản cố định là 5.623.504.300.217 VND và giá trị tài sản lưu động là 9.673.962.819 VND. Công ty đã điều chỉnh giá trị tài sản cố định và giá trị tài sản lưu động theo phê duyệt quyết toán như trên.

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 6.177.627.811 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.376.562.383 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng	24.500.709.785	42.392.642.169
Chi phí thiết bị	-	49.021.756.949
Chi phí xây dựng cơ bản khác	79.633.046.503	231.395.422.333
	104.133.756.288	322.809.821.451

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu phản ánh chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư chờ quyết toán. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng các khoản chi phí này sẽ được thu hồi trong tương lai sau khi Công ty quyết toán với địa phương.

13. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng thay thế cho Nhà máy Thủy điện Hòa Na, được ghi nhận theo Quyết định số 77/QĐ-HDQT-HHC ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Đầu tư Công trình Thủy điện Hòa Na.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán				
Ban điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na - Tổng Công ty Sông Đà	79.717.032.931	79.717.032.931	223.046.315.754	223.046.315.754
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	12.311.234.892	12.311.234.892	17.706.768.937	17.706.768.937
Công ty Cổ phần Hải Âu	-	-	6.293.480.534	6.293.480.534
Các đối tượng khác	19.862.462.489	19.862.462.489	88.469.307.786	88.469.307.786
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	38.131.385.328	38.131.385.328	127.216.596.958	127.216.596.958
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	2.275.592.594	2.275.592.594	4.938.199.630	4.938.199.630
	152.297.708.234	152.297.708.234	467.670.669.599	467.670.669.599

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu, phải nộp trong năm	Số đã thực thu, thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	21.051.484	-	21.051.484	-
	21.051.484	-	21.051.484	-
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	-	40.128.701.082	37.184.004.145	2.944.696.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	801.191.165	652.751.510	148.439.655
Thuế thu nhập cá nhân	-	493.732.181	345.832.534	147.899.647
Thuế tài nguyên	1.674.232.234	38.852.246.642	37.937.788.222	2.588.690.654
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.000	1.278.000	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	1.612.362.000	10.424.753.300	10.423.501.640	1.613.613.660
	3.286.594.234	90.704.902.370	86.548.156.051	7.443.340.553

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay dự trả	8.624.799.254	3.119.846.038
Chi phí phải trả bảo hiểm	4.340.033.372	4.472.388.106
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.292.560.082	-
Chi phí phải trả các nhà thầu	3.093.736.564	7.103.774.172
Chi phí phải trả khác	516.177.997	330.148.870
	19.867.307.269	15.026.157.186

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng (*)	9.912.768.287	1.238.031.562
Hội đồng bồi thường Công trình Thủy điện Hòa Nà	1.169.509.889	-
Các khoản phải trả khác	309.280.767	231.270.954
	11.391.558.943	1.469.302.516

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính thu của Công ty Mua bán Điện và chưa kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	47.390.340.337	47.390.340.337	54.095.596.808	86.060.801.131	15.425.136.014	15.425.136.014
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	17.390.340.337	17.390.340.337	18.299.517.739	35.689.858.076	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (i)	30.000.000.000	30.000.000.000	35.796.079.069	50.370.943.055	15.425.136.014	15.425.136.014
b) Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)	338.436.000.000	338.436.000.000	186.325.922.381	338.436.000.000	186.325.922.381	186.325.922.381
	385.826.340.337	385.826.340.337	240.421.519.189	424.496.801.131	201.751.058.395	201.751.058.395

(i) Ngày 04 tháng 8 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0067.HĐTD1-404.15 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (VIB), hạn mức 30 tỷ VND, kỳ hạn 6 tháng. Mục đích cấp tín dụng để bổ sung vốn lưu động và thanh toán các khoản thuế, phí, tiền môi trường rường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện. Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 5%/năm. Khoản vay này đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty từ kinh doanh điện.

Ngày 17/10/2016 Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0067.HĐTD1-404.15 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế - Chi nhánh Vinh, hạn mức 30 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản chi phí và các khoản thuế, phí, tiền môi trường rường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện. Lãi Suất Cho Vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Khoản vay này đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty từ kinh doanh điện.

1.9. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Biến động trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (i)	1.577.661.443.198	1.577.661.443.198	253.537.108.880	358.859.445.499	1.472.339.106.579	1.472.339.106.579
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (ii)	269.655.118.976	269.655.118.976	-	35.952.000.000	233.703.118.976	233.703.118.976
Ngân hàng TMCP Quân đội (iii)	236.320.595.707	236.320.595.707	85.063.404.293	14.997.318.084	306.386.681.916	306.386.681.916
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (iv)	160.000.000.000	160.000.000.000	195.389.944.699	27.500.000.000	327.889.944.699	327.889.944.699
	2.243.637.157.881	2.243.637.157.881	533.990.457.872	437.308.763.583	2.340.318.852.170	2.340.318.852.170

(i) Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016), lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19 tháng 10 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng công trình thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03 tháng 2 năm 2015 Công ty đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

(ii) Ngày 05 tháng 3 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16 tháng 01 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016), lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để bảo đảm cho khoản vay này.

(iii) Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB), Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - PVcomBank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PVcomBank với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2023, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,25%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình, bất động sản khác và bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.

(iv) Ngày 17 tháng 12 năm 2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 4,2%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (9,2%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016), lãi vay trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án, cam kết trả nợ thay của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và số dư tài khoản/hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và/hoặc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và/hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na do Công ty là chủ đầu tư. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2017 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 03 Ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình cộng biên độ 1,5%/năm trong năm thứ hai và 2,2%/năm từ năm thứ ba, lãi vay trả 6 tháng/lần (9,5%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2016). Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	186.325.922.081	338.436.000.000
Trong năm thứ hai	379.757.788.310	338.436.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.341.390.549.148	1.070.808.000.000
Sau năm năm	619.170.514.712	834.393.157.881
	2.526.644.774.251	2.582.073.157.881
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	186.325.922.081	338.436.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	2.340.318.852.170	2.243.637.157.881

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Vốn khác	Quý đầu tư	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	của chủ sở hữu (i) VND	phát triển VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.160.004.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	80.125.685.951	2.310.908.271.572
Tăng vốn trong năm	96.588.000.000	-	-	-	96.588.000.000
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(118.553.457.886)	(118.553.457.886)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(918.542.000)	(918.542.000)
Số dư đầu năm nay	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(39.346.313.935)	2.288.024.271.686
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(51.868.455.971)	(51.868.455.971)
Số dư cuối năm nay	2.256.592.103.444	64.985.781.295	5.792.700.882	(91.214.769.906)	2.236.155.815.715

(i) Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CDKT ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: "... Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...". Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" của Bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 64,9 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và đã được Bộ Tài chính chấp nhận bằng văn bản.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	1.898.727.600.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,86%	87.200.273.444	87.200.273.444
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	-	-	115.500.000.000	115.500.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	-	-	105.000.000.000	105.000.000.000
Các cổ đông khác	270.664.230.000	12,00%	50.164.230.000	50.164.230.000
	2.256.592.100.000	100%	2.256.592.103.444	2.256.592.103.444

Cổ phiếu

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông đang được lưu hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu điện phát lưới	519.245.699.230	455.932.721.683
	519.245.699.230	455.932.721.683

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phát điện	308.261.698.907	302.341.608.349
	308.261.698.907	302.341.608.349

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.728.800.994	3.542.062.241
Chi phí nhân công	24.724.326.489	21.462.882.575
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.284.647.342	260.401.143.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.525.554.685	23.880.327.543
Chi phí khác bằng tiền	8.313.662.559	9.283.670.795
	326.576.992.069	318.570.086.592

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh lãi tiền gửi tại các ngân hàng thương mại.

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.655.178.267	8.436.435.339
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	360.735.116	804.978.864
Chi phí khấu hao	1.183.987.270	1.516.112.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.864.125.704	1.021.102.907
Chi phí bằng tiền khác	4.251.266.805	4.449.848.285
	18.315.293.162	16.228.478.243

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cho thuê đường dây 35 kV	-	1.600.000.000
Thanh lý vật tư thiết bị	1.688.888.182	-
Tiền được bảo hiểm bồi thường	581.323.589	-
Thu nhập khác	56.708.651	13.069.189
	2.326.920.422	1.613.069.189

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
Lỗ trước thuế	(51.067.264.806)	(118.553.457.886)
<i>Trong đó:</i>		
- (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh chính	(53.418.712.170)	(118.553.457.886)
- Lợi nhuận từ hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.351.447.364	-
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	470.289.473	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước (*)	330.901.692	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	801.191.165	-

(*) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp từ các năm trước theo Quyết định số 2079/QĐ-CT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Cục Thuế Tỉnh Nghệ An về việc xử lý và xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ) trong năm (VND)	(51.868.455.971)	(118.553.457.886)
Số trích quỹ khen thưởng (VND)	-	-
Lỗ để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu	<u>(51.868.455.971)</u>	<u>(118.553.457.886)</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	225.659.210	208.303.641
(LỖ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>(230)</u>	<u>(569)</u>

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	85.063.404.293	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	3.053.842.561	10.176.953.307
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	10.155.118.170	61.077.132.613
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.544.609.651	1.534.926.827

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	315.906.976.392	240.020.595.707
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	2.275.592.594	4.938.199.630
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	38.131.385.328	127.216.596.958

30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐLĐK-HĐTV ngày 25 tháng 01 năm 2017, Hội đồng thành viên của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower - Công ty mẹ của Công ty) thông qua phương án thoái vốn của PVPower tại Công ty theo phương thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội, với số lượng 189.872.760 cổ phần và giá khởi điểm là 11.659 VND/cổ phần. Điều kiện để cuộc đấu giá thành công khi (i) PVPower bán được toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty và (ii) nhà đầu tư trúng đấu giá được các ngân hàng (Vietinbank, MBBank, An Bình Bank, Pvcombank) chấp nhận kế thừa nghĩa vụ bảo lãnh của PVPower đối với các hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp bán đấu giá công khai không thành công, sẽ tiến hành thoái vốn theo các phương án tiếp theo là chào bán cạnh tranh theo lô và giao dịch thỏa thuận theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015.



Trần Bảo Ngọc
Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2017

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY 03-04-2017

Số chứng thực.....0550

Quyển số.....SCT/BS

PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN LÊ MẠCH
Trần Thị Thu Hà
Người lập biểu

Võ Trung Chính
Kế toán trưởng



Bùi Văn Dũng

CHINA TRADING
CO. LTD.
100-100
100-100

